

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Thuận năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Thực hiện Công văn số 1038/BKHCN-ĐP ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bố trí kinh phí triển khai Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) cấp địa phương hàng năm;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 893/TTr-SKHCN ngày 23/5/2024;

Nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Ninh Thuận năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

a) *Mục tiêu tổng quát:* Cải thiện, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh Ninh Thuận; đồng thời sử dụng bộ chỉ số để xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) *Mục tiêu cụ thể:* Phấn đấu năm 2024 tỉnh Ninh Thuận xếp hạng vị trí 20/63 toàn quốc trong chỉ số PII.

2. Yêu cầu:

a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tăng cường chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ đổi mới tư duy, nắm vững nội dung các Chỉ số thành phần PII, chủ động đề ra giải pháp thiết thực để cải thiện, nâng cao chỉ số PII gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các Sở, ban, ngành, địa phương với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định cải thiện và nâng cao Chỉ số PII là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, lâu dài, kiên trì của các cơ quan, đơn vị.

b) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì làm đầu mối thực hiện việc cải thiện điểm số từng Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và cùng chịu trách nhiệm về các Chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PII:

a) Giao các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị ý nghĩa và tầm quan trọng của chỉ số PII về cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển kinh tế, xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, là tài liệu hữu ích, cung cấp các căn cứ khoa học và thực tiễn để các địa phương sử dụng trong xây dựng và thực thi các chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan về Bộ chỉ số PII trên Đài, báo, Trang thông tin điện tử của Sở.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức, nghiệp vụ về Bộ chỉ số PII cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu trực tiếp về các nội dung liên quan đến Chỉ số PII.

2. Tập trung cải thiện để tăng điểm số các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023:

a) Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, phân công thực hiện: Trong Phụ lục 01 đính kèm.

b) Sản phẩm hoàn thành: Kế hoạch/văn bản triển khai.

c) Thời gian hoàn thành: Trong tháng 6/2024.

3. Duy trì và tiếp tục nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần có điểm số tốt năm 2023:

a) Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, phân công thực hiện: Trong Phụ lục 02 đính kèm.

b) Sản phẩm hoàn thành: Kế hoạch/văn bản triển khai.

c) Thời gian hoàn thành: Trong tháng 6/2024.

4. Cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2024:

a) Nội dung dữ liệu, tài liệu cung cấp, phân công thực hiện: Trong Phụ lục 03 đính kèm.

b) Sản phẩm hoàn thành: Dữ liệu, tài liệu liên quan.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại điểm a, cung cấp dữ liệu và tài liệu minh chứng về Sở Khoa học và Công nghệ **chậm nhất ngày 10/7/2024**. Giao Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nội dung trên và làm đầu mối tổng

hợp rà soát, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu, tài liệu minh chứng do cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo thời gian yêu cầu.

5. Bố trí kinh phí triển khai Chỉ số PII cấp địa phương: Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đã giao trong dự toán đầu năm 2024 để triển khai Kế hoạch đảm bảo theo quy định ngân sách nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Kế hoạch nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Ninh Thuận năm 2024, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được phân công nhiệm vụ, chủ động tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

2. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận và các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn chủ động hỗ trợ các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức truyền thông, phổ biến Kế hoạch đến cộng đồng người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường vai trò theo dõi, giám sát của các cơ quan báo chí, truyền thông về tình hình thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo tổ chức tuyên truyền và phổ biến Kế hoạch này sâu rộng đến các cấp, các ngành.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này. Đồng thời tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và các giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh ;
- UBMTTQVN và các tổ chức thành viên;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH NT; Báo Ninh Thuận;
- VPUB : LĐ, các phòng, ban, đơn vị ;
- Lưu: VT. ĐNĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

PHỤ LỤC 01

**Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, phân công thực hiện kế hoạch cải thiện để tăng điểm số
các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp
1	Thể chế	02 chỉ số			
1.1		Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
1.2		Cạnh tranh bình đẳng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.
2	Vốn con người và nghiên cứu và phát triển	01 chỉ số			
-		Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường giải pháp nâng cao chất lượng đầu ra của giáo dục và đào tạo.
3	Cơ sở hạ tầng	01 chỉ số			
-		Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp	- Các Sở, ngành và đơn vị liên quan.	Tham mưu tăng cường các giải pháp đầu tư phát triển phân đấu tăng tỷ lệ

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp
		hạ tầng (%)		- UBND các huyện, thành phố.	diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp.
4	Trình độ phát triển của doanh nghiệp	<i>04 chỉ số</i>			
4.1		Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu tăng cường giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề.
4.2		Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp	- Các Sở, ngành và đơn vị liên quan. - UBND các huyện, thành phố.	Tham mưu tăng cường chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.
4.3		Tỷ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn địa phương	Sở Công Thương	- Các Sở, ngành và đơn vị liên quan. - UBND các huyện, thành phố.	Tham mưu tăng cường chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp.
4.4		Tỷ lệ doanh nghiệp có	Sở Khoa học và	- Các Sở, ngành và	Tăng cường công tác tuyên truyền

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp
		các chứng chỉ ISO	Công nghệ	đơn vị liên quan; - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp.
5	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	04 chỉ số			
5.1		Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ; tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức doanh nghiệp, đăng ký công nhận sáng chế và giải pháp hữu ích.
5.2		Đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000DN	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ; tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức doanh nghiệp, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu.
5.3		Số DN KH & CN và DN đủ điều kiện là DN KH&CN/1.000DN	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành và đơn vị liên quan; - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai chương trình phát triển doanh nghiệp KH & CN.

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp
5.4		Tỷ lệ DN khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số DN mới thành lập (%)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ngành và đơn vị liên quan; - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.
6	Tác động	04 chỉ số			
6.1		Giá trị xuất khẩu/GRDP (%)	Cục Thống kê	Sở Công Thương	Tham mưu các giải pháp nâng cao chỉ số.
6.2		Tốc độ giảm nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thành phố	Tăng cường triển khai các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.
6.3		Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng)	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường công tác rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
6.4		Chỉ số phát triển con người	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường công tác rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
	Tổng	16 chỉ số thành phần			

PHỤ LỤC 02

Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, phân công thực hiện kế hoạch duy trì và tiếp tục nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần có điểm số tốt năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
1	Thể chế	05 chỉ số			
1.1		Chính sách thúc đẩy KHCN & ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục triển khai các chính sách đang thực hiện như: Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ. - Nghiên cứu tham mưu ban hành các chủ trương, chính sách thúc đẩy KHCN & ĐMST trong năm 2025.
1.2		Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
1.3		Chi phí gia nhập thị trường			
1.4		Tính năng động của chính quyền địa phương			
1.5		Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc CCHC của tỉnh.
2	Vốn con người và nghiên cứu và phát triển	06 chỉ số			
2.1		Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Ninh Thuận	Tăng cường tổ chức đa dạng các cuộc thi nghiên cứu KH&KT cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh.
2.2		Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố	Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi GD&ĐT từ nguồn ngân sách nhà nước.
2.3		Nhân lực NC&PT (toàn thời gian)/1.000 dân	Sở Nội vụ	- Sở Khoa học và Công nghệ. - Các Sở, ngành và đơn vị liên quan.	Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực tham gia trực tiếp vào hoạt động NC & PT trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2.4		Chi cho KH & CN/GRDP (%)	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi khoa học và công nghệ từ nguồn NSNN.

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
2.5		Chi cho Nghiên cứu và phát triển/GRDP (%)			
2.6		Số tổ chức KH&CN/1.000 dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.
3	Cơ sở hạ tầng	04 chỉ số			
3.1		Hạ tầng số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các chính sách, chương trình thúc đẩy chuyển đổi số.
3.2		Quản trị điện tử	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Duy trì và nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh.
3.3		Cơ sở hạ tầng cơ bản	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các chính sách, chương trình thúc đẩy chuyển đổi số.
3.4		Quản trị môi trường	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Duy trì và nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh.
4	Trình độ phát triển thị trường	07 chỉ số			
4.1		Tín dụng cho khu vực tư nhân	- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Ninh Thuận.	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng, chính sách thúc đẩy chương trình tài chính vi mô, nhằm giúp các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và người dân dễ dàng tiếp cận các nguồn tín dụng vi mô ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực
4.2		Tài chính vi mô	- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh		

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
			Ninh Thuận.		hiện đầu tư sản xuất - kinh doanh và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.
4.3		Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Tham mưu triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
4.4		Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN			
4.5		Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN	Cục thống kê tỉnh	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
4.6		Mật độ doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Tham mưu triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
4.7		Đóng góp vào GDP cả nước	Cục thống kê tỉnh	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
5	Trình độ phát triển của doanh nghiệp	05 chỉ số			
5.1		Tỉ lệ chi phí đào tạo lao động	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.
5.2		Tỷ lệ DN có hoạt động nghiên cứu và phát triển	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường giải pháp nâng cao tỷ lệ số lao động đang làm việc đã qua đào tạo trên tổng số lao động đang làm việc.

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
5.3		Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Tổ chức KH & CN. - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Triển khai các Chương trình hợp tác giữa tổ chức KH & CN và DN.
5.4		Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Ssở, ngành và đơn vị liên quan	Triển khai các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào trong nước.
5.5		Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST(%)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.
6	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	06 chỉ số			
6.1		Đơn đăng ký giống cây trồng/10.000 dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Khoa học và Công nghệ. - Các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh
6.2		Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Tổ chức, cá nhân, Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	- Tăng cường triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.
6.3		Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp			- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các Tổ chức, cá nhân, Doanh nghiệp đăng ký sở hữu công nghiệp.
6.4		Chỉ dẫn địa lý đã được			

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
		cấp Giấy chứng nhận			
6.5		Số doanh nghiệp mới thành lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tham mưu triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
6.6		Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/DN mới thành lập (%)	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.
7	Tác động	03 chỉ số			
7.1		Chỉ số sản xuất công nghiệp	Sở Công Thương	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường giải pháp phát triển sản xuất các ngành công nghiệp, triển khai chính sách phát triển dịch vụ logistics.
7.2		Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các chính sách, chương trình phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn. - Tăng cường giải pháp thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; thúc đẩy phát triển nhanh số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã.

TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
7.3		Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế trên tổng số dân (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế trên tổng số dân.
	Tổng	36 chỉ số thành phần			

PHỤ LỤC 03

**Phân công thực hiện cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng
phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
1	Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH-CN & ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	<p>1. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa hiện đang được thực hiện tại địa phương do Ủy ban nhân dân ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).</p> <p>2. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hỗ trợ phát triển HST KN, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).</p> <p>3. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST đến năm 2030 hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
		<p>Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách Chuyển đổi số hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực</p>	Sở Thông tin và truyền thông

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		thi, tính đến ngày 30/6/2024).	
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số) hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển khu công nghiệp hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Ban Quản lý các khu công nghiệp
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, dịch vụ logistics hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Công Thương
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Giao thông Vận tải
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Nội vụ

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
2	Số tổ chức KH&CN/10.000 dân	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số tổ chức KH & CN tại địa phương tính đến ngày 31/12/2023 (do Sở KH&CN cấp GCN đăng ký hoạt động KH&CN).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách các tổ chức KH & CN do Sở KH & CN cấp GCN đăng ký hoạt động KH & CN kèm thông tin cơ bản (tên tổ chức, lĩnh vực hoạt động, địa chỉ).</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH & CN do tổ chức KH & CN và doanh nghiệp cùng thực hiện tại địa phương; tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH & CN của địa phương (số liệu năm 2023, ĐVT: triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN do tổ chức KH&CN và doanh nghiệp chủ trì/tham gia thực hiện; Danh sách các nhiệm vụ KH&CN (có thông tin: cơ quan/ tổ chức chủ trì; tổ chức thực hiện; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện).</p>	<p>- Sở Khoa học và Công nghệ</p> <p>- Các Tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh</p>
4	Số doanh nghiệp KH&CN và tương đương/1000 doanh nghiệp	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng DN đã được cấp giấy CN DN KH&CN; số lượng DN đạt giải thưởng KH&CN cấp tỉnh trở lên (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách DN được cấp giấy CN DN KH&CN; Danh sách DN đạt giải thưởng KH&CN cấp tỉnh trở lên.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
		<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng DN được cấp GCN là DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách DN được cấp GCN là</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p> <p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng DN trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng CNC, khu công nghệ sinh học (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách DN trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng CNC, khu công nghệ sinh học.</p>	Ban Quản lý các Khu công nghiệp
5	Tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng DN, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ KNST của địa phương (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách DN, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ KNST của địa phương; kết quả chương trình (nếu có).</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trên tổng số học sinh trung học (%).	<p>- <i>Dữ liệu:</i></p> <p>+ Số lượng học sinh tham gia các cuộc thi NC KH&KT: (1) cấp quốc gia; (2) cấp tỉnh; (3) cấp huyện; (4) cấp trường (Số liệu của năm học 2022-2023 và 2023-2024).</p> <p>+ Tổng số học sinh: (1) THCS; (2) THPT; (bao gồm học sinh tại các Trường công lập, ngoài công lập và học sinh từ các trường của cơ quan trung ương đặt trên địa bàn tỉnh) (Số liệu của năm học 2022-2023 và 2023-2024).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Sở GD và đào tạo gửi UBND tỉnh và Sở KH&CN để tổng hợp.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Tỷ lệ chi cho giáo dục, đào tạo và dạy	- <i>Dữ liệu:</i> Số kinh phí: (1) Chi đầu tư phát triển (chi GD-	Sở Tài chính

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
	nghề từ ngân sách địa phương/GRDP;	ĐT và dạy nghề); (2) Chi thường xuyên (chi GD-ĐT và dạy nghề); (3) Tổng chi NSDP (Số liệu năm 2023, ĐVT: triệu đồng). - <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.	
8	2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP	- <i>Dữ liệu:</i> Số kinh phí: (1) Chi đầu tư phát triển (chi KH&CN); (2) Chi thường xuyên (chi KH&CN); (3) Tổng chi NSDP (Số liệu năm 2023, ĐVT: triệu đồng). - <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.	Sở Tài chính
9	Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp	- <i>Dữ liệu:</i> (1) Diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch; (2) diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (ĐVT: ha), trong: + Khu công nghiệp; + Khu kinh tế; + Khu công nghệ cao; + Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Ban Quản lý Khu Công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
10	Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1.000 DN	- <i>Dữ liệu:</i> (1) Số dự án đầu tư nước ngoài đang SXKD; (2) số dự án đầu tư trong nước đang SXKD trong: + Khu công nghiệp;	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		+ Khu kinh tế; + Khu công nghệ cao; + Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - <i>Tài liệu minh chứng</i> : Báo cáo của Ban Quản lý Khu Công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
11	Vay tài chính vi mô/GRDP.	<p>- <i>Dữ liệu</i>:</p> + Dư nợ của tổ chức tài chính vi mô (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: triệu đồng). + Chương trình, dự án có cung cấp tài chính vi mô sử dụng ngân sách địa phương (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: triệu đồng). - <i>Tài liệu minh chứng</i> : Báo cáo của Chi nhánh NHNN gửi NHNNVN về tình hình hoạt động của tổ chức tài chính vi mô. <p>- <i>Dữ liệu</i>:</p> + Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do NN đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: triệu đồng). + Chương trình, dự án có cung cấp tài chính vi mô ngoài ngân sách địa phương (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: triệu đồng). - <i>Tài liệu minh chứng</i> : Báo cáo của Sở KH&ĐT trình UBND tỉnh hoặc của UBND tỉnh trình HĐND đối với Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN cung cấp sản phẩm, dịch	<p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>vụ công ích do NN đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; các chương trình, dự án ngoài ngân sách nhà nước có cung cấp tài chính vi mô.</p> <p>- <i>Dữ liệu:</i> các chương trình cho vay Ngân hàng Chính sách xã hội (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: triệu đồng), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cho vay hộ mới thoát nghèo; + Cho vay giải quyết việc làm; + Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; + Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; + Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn theo QĐ755. + Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi heo theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ; + Cho vay chương trình phát triển ngành lâm nghiệp (Sự án FSDP); + Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa 9Dự án KFW). <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo kết quả hoạt động của Chi nhánh NH CSXH gửi NGCSXH VN.</p>	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Ninh Thuận
12	Tỷ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp/1.000DN.	<p>- <i>Dữ liệu:</i> (1) Số lượng dự án đầu tư đang hoạt động trong các Cụm công nghiệp; (2) Số lượng dự án đầu tư đang hoạt động trong các Cụm công nghiệp làng nghề.</p>	Sở Công Thương

STT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
		<p>- <i>Tài liệu minh chứng</i>: Báo cáo của Sở Công Thương gửi UBND tỉnh, Cục Công Thương địa phương (theo biểu mẫu quy định tại Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ).</p>	
13	Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	<p>- <i>Dữ liệu</i>: (1) Số lượng sản phẩm OCOP được cấp GCN hạng 4 sao; (2) Số lượng sản phẩm OCOP được cấp GCN hạng 5 sao.</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng</i>: Danh sách các sản phẩm được cấp GCN hạng 4 sao, 5 sao.</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Số liệu kinh tế xã hội khác	<p>- GRDP của địa phương (tỉ đồng).</p> <p>- Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2023.</p> <p>- Tổng số doanh nghiệp mới thành lập tính đến ngày 31/12/2023.</p> <p>- Dân số trung bình tính đến 31/12/2023.</p> <p>- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã.</p>	Cục Thống kê tỉnh